



Số: 02.2024.CB.TRS

TP.HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2024

V/v CBTT Nghị quyết, Biên bản họp và tài liệu liên quan họp ĐHĐCĐ thường niên 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI
2. Mã chứng khoán : TRS
3. Trụ sở chính : 34 Nguyễn Thị Nghĩa, P.Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
4. Điện thoại : (028) 3925 0222
5. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin về Nghị quyết, Biên bản họp và tài liệu liên quan họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải.

Toàn bộ tài liệu Nghị quyết, Biên bản họp và tài liệu liên quan họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải được đăng tải trên website Công ty theo đường link như sau: <https://trasas.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TRS.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



ĐỖ VĂN MƯỜI

Số: 01.2024/NQ-ĐHĐCĐ

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024, ngày 31 tháng 05 năm 2024 của CTCP Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải.

Lúc 9 giờ 30 phút Ngày 31/05/2024, tại Phòng họp hội nghị Khách sạn New World - 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức với sự tham gia của 60 cổ đông sở hữu 4.877.928 cổ phần chiếm 89,61% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và Tờ trình, Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung như sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch năm 2024

Đại hội đã thông qua vấn đề 1 với số phiếu tán thành là 4.877.928 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023

Đại hội đã thông qua vấn đề 2 với số phiếu tán thành là 4.877.928 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023

Đại hội đã thông qua vấn đề 3 với số phiếu tán thành là 4.877.928 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 4: Thông qua Tờ trình sửa đổi quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của HĐQT và BKS Công ty

Đại hội đã thông qua vấn đề 4 với số phiếu tán thành là 4.877.928 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 5: Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023

Đại hội đã thông qua vấn đề 5 với số phiếu tán thành là 4.877.928 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.



Điều 6: Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch năm 2024

Đại hội đã thông qua vấn đề 6 với số phiếu tán thành là 4.877.928 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100.% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 7: Thông qua Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Đại hội đã thông qua vấn đề 7 với số phiếu tán thành là 4.877.928 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100.% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 8: Thông qua Tờ trình thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch năm 2024

Đại hội đã thông qua vấn đề 8 với số phiếu tán thành là 4.877.928 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100.% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 9: Thông qua Tờ trình về việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2023

Đại hội đã thông qua vấn đề 9 với số phiếu tán thành là 4.877.928. cổ phần, chiếm tỷ lệ 100.% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 10: Tờ trình thông qua về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh mới và cập nhật chi tiết nội dung ngành nghề kinh doanh hiện hữu

Đại hội đã thông qua vấn đề 10 với số phiếu tán thành là 4.877.928 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100.% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 11: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

ĐỖ VĂN MƯỜI





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Mã số Doanh nghiệp: 0304184415

ĐT: (028) 39 250222

Fax: (028) 39 250555

Website: www.trasas.com.vn

Số: 01.2024.BBH.DHĐCĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2024

BIÊN BẢN HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải
- Trụ sở chính : 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : (028) 39 250222
- Mã số doanh nghiệp : Số 0304184415 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/01/2006, cấp thay đổi lần thứ 27 ngày 07/09/2023

PHẦN 1: THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC

- Thời gian : 8 giờ 30 ngày 31 tháng 05 năm 2024
- Địa điểm : Phòng họp hội nghị Khách sạn New World - 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
- Hình thức tổ chức : Tổ chức Đại hội trực tiếp và bỏ phiếu công khai.

PHẦN 2: KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG – KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông

Ông Phạm Xuân Khoa thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông đầu giờ:

- Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày 15/04/2024, sở hữu 5.443.520 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải.
- Lúc 8 giờ 30 phút, số lượng đại biểu tham dự Đại hội gồm 56 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 4.751.810 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm

87,29% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Thông qua Đoàn Chủ tọa và Ban kiểm phiếu tại Đại hội.

Đoàn Chủ tọa:

- Ông Đỗ Văn Mười - Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa
- Ông Nguyễn Văn Quý – Thành viên Đoàn Chủ tọa
- Ông Trần Việt Huy – Thành viên Đoàn Chủ tọa
- Ông Lê Quý Nghĩa – Thành viên Đoàn Chủ tọa
- Ông Nguyễn Thành Đồng – Thành viên Đoàn Chủ tọa

Thư ký Đại hội:

- Bà Trần Thị Cát Vy – Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Khánh Ngọc – Thành viên

Nhân sự Ban kiểm phiếu như sau:

- Bà Huỳnh Ngọc Hà Trang – Trưởng Ban kiểm phiếu
- Bà Nguyễn Thị Huyền Bảo – Thành viên Ban kiểm phiếu
- Bà Giang Trúc Hiền - Thành viên Ban kiểm phiếu

Đại hội biểu quyết **100%** nhất trí thông qua Nhân sự Đại hội.

3. Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội và Chương trình Đại hội

Sau khi nghe Đại hội công bố các nội dung trên, Đại hội tiến hành biểu quyết, kết quả biểu quyết như sau:

- **Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội, với kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 56	- Số cổ phần: 4.751.810	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

- **Thông qua Chương trình Đại hội với kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 56	- Số cổ phần: 4.751.810	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

PHẦN 3: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Đại hội nghe trình bày những nội dung sau:

Người trình bày: Ông Nguyễn Văn Quý, Đỗ Văn Mười, Trần Việt Huy, Phạm Xuân Khóa.

Nội dung 01: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch năm 2024;

Nội dung 02: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023;

Nội dung 03: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023;

Nội dung 04: Tờ trình thông qua sửa đổi quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của HĐQT và BKS Công ty

Nội dung 05: Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023;

Nội dung 06: Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch năm 2024;

Nội dung 07: Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024;

Nội dung 08: Tờ trình thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch năm 2024;

Nội dung 09: Tờ trình thông qua về việc phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2023

Nội dung 10: Tờ trình thông qua về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh mới và cập nhật chi tiết nội dung ngành nghề kinh doanh hiện hữu

PHẦN 4: THẢO LUẬN

Trong suốt quá trình diễn ra Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, cổ đông không có câu hỏi đặt ra cho Hội đồng quản trị trả lời.

PHẦN 5: BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG

Ông/Bà Phạm Xuân Khoa thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông trước biểu quyết lần 2

Lúc **9 giờ 30 phút** số lượng đại biểu tham dự Đại hội gồm **60** cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho **4.877.928** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **89,61%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải.

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung:

Nội dung 01: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch năm 2024

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 60	- Số cổ phần: 4.877.928	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch năm 2024

Nội dung 02: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 60	- Số cổ phần: 4.877.928	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023

Nội dung 03: Tờ trình thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 60	- Số cổ phần: 4.877.928	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023

Nội dung 04: Tờ trình thông qua sửa đổi quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của HĐQT và BKS Công ty

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 60	- Số cổ phần: 4.877.928	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình sửa đổi quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của HĐQT và BKS Công ty

Nội dung 05: Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 60	- Số cổ phần: 4.877.928	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023

Nội dung 06: Tờ trình thông qua Phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch năm 2024

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 60	- Số cổ phần: 4.877.928	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch năm 2024

Nội dung 07: Tờ trình thông qua về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 60	- Số cổ phần: 4.877.928	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Nội dung 08: Tờ trình thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch năm 2024

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 60	- Số cổ phần: 4.877.928	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch năm 2024

Nội dung 09: Tờ trình thông qua về việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2023

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 60	- Số cổ phần: 4.877.928	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình về việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2023

Nội dung 10: Tờ trình thông qua về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh mới và cập nhật chi tiết nội dung ngành nghề kinh doanh hiện hữu

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 60	- Số cổ phần: 4.877.928	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh mới và cập nhật chi tiết nội dung ngành nghề kinh doanh hiện hữu

PHẦN 6: THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Bà Trần Thị Cát Vy - Thư ký Đại hội đọc Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Lúc **10 giờ 25 phút** số lượng đại biểu tham dự Đại hội gồm **60** cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho **4.877.928** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **89,61%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải.

Đại hội biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với kết quả biểu quyết như sau:

Số phiếu tán thành: 60	- Số cổ phần: 4.877.928	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

PHẦN 7: BẾ MẠC ĐẠI HỘI

1. Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải kết thúc vào lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản được lập thành hai (02) bản chính được lưu tại văn phòng Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2024

THƯ KÝ



Trần Thị Cát Vy

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



ĐỖ VĂN MƯỜI

Số: 02.2024.BC.TRS

Tp.HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2023:

1.1 Khó khăn

- Năm 2023, nhìn chung kinh tế thế giới suy giảm, thị trường EU gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng cuộc chiến Nga- Ukraine, lạm phát gia tăng trên toàn cầu và sự chậm lại của kinh tế Trung Quốc do dư chấn Covid.
- Hoạt động logistics của các doanh nghiệp sản xuất và thương mại tại Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2023, do giá nhiên liệu biến động liên tục trong năm 2023 với mức tăng khoảng 33% so với giá trung bình 2022, ảnh hưởng đến chi phí cho hoạt động logistics của các doanh nghiệp sản xuất và thương mại. Đến thời điểm tháng 9/2023, giá nhiên liệu tương đối ổn định.
- Theo nhận định của các chuyên gia ngành vận tải, vận chuyển giao nhận cũng là một trong những khó khăn tác động đến quá trình vận hành hoạt động thương mại điện tử, đặc biệt trong bối cảnh khi hạ tầng dành cho logistics khá hạn chế, các tuyến đường vào ra các cảng khá nhỏ, luôn bị ùn tắc giao thông.
- Thách thức của ngành vận tải và logistics Việt Nam hiện nay bao gồm:
 - (1) Cơ sở vật chất hạ tầng giải ngân chậm cũng là một hạn chế lớn đối với sự phát triển của Logistics. Hạ tầng giao thông, hạ tầng kho bãi, hạ tầng công nghệ đều là những thông tin liên quan chiến lược phục vụ cho logistic nhưng công tác triển khai gặp nhiều khó khăn.
 - (2) Chi phí vận tải chiếm một phần lớn khoảng 30% tổng chi phí logistics, nhưng với giá nhiên liệu biến động liên tục ảnh hưởng chi phí đầu vào của ngành. Chi phí vận tải tại Việt Nam hiện đang ở mức cao và không đồng đều ở các khu vực, nguyên nhân chủ yếu do các loại thuế, phí cầu đường và phụ phí hiện khá cao, không có quy hoạch cho các bãi xe cont gần cần cảng, cự li di chuyển đến cảng khá xa từ bãi đỗ đến cảng và ngược lại, tăng lưu lượng xe lưu thông trên đường và là nguyên nhân gây ùn ứ và tăng chi phí. Ngoài ra, đường xá quy hoạch chung khá hẹp, không thực hiện được vận chuyển kéo theo làm cho chi phí lưu thông đường bộ Việt nam cao nhất nhì khu vực và thế giới.
 - (3) Chất lượng nguồn nhân lực, khả năng kết nối mạng lưới, nguồn vốn đầu tư hạ tầng logistics hạn chế làm cho ngành logistics ở Việt Nam chưa thực sự phát huy được tối đa

tiềm năng sẵn có.

1.2 Thuận lợi

- Bên cạnh khó khăn và thách thức, song các doanh nghiệp trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có được những thuận lợi từ tiến trình hội nhập quốc tế và kinh tế của Việt Nam với việc tham gia các FTA như: CPTPP, EVFTA hay RCEP,... cơ hội lớn cho các Doanh nghiệp tại Việt nam mở rộng, tiếp cận thị trường xuất nhập khẩu, thúc đẩy hoạt động sản xuất và thương mại.
- Thương mại điện tử Việt Nam đã ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng trong 2 năm trở lại đây, tạo đà bứt phá cho ngành logistics, thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp sản xuất và thương mại. Theo số liệu Bộ Công Thương, tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử B2C so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng cả nước có thể đạt mức 7,8% - 8% năm 2023 (tăng 4 tỷ USD so với năm 2022) với doanh thu dự kiến đạt 20,5 tỷ USD. Tính đến tháng 12/2023 the Statista, tốc độ tăng trưởng thương mại điện tử của Việt Nam được xếp vào nhóm 10 Quốc gia có tốc độ tăng trưởng hàng đầu thế giới.
- Nhìn vào bức tranh chung của ngành Logistics Việt Nam trong những năm gần đây, ngoài yếu tố vốn và kinh nghiệm thị trường doanh nghiệp nội địa vẫn có một số lợi thế so với doanh nghiệp nước ngoài:

Thứ nhất, các doanh nghiệp Việt Nam thừa hưởng và sở hữu phần lớn kho bãi có khả năng tiết kiệm chi phí logistics do tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực hiện tại như phương tiện vận tải, kho bãi, và Doanh nghiệp nước ngoài phải thuê lại hoặc liên kết, liên doanh để phục vụ dịch vụ Logistic;

Thứ hai, về nhân sự, lao động được cải thiện về kiến thức qua đào tạo, nhanh nhạy nên dễ dàng nắm bắt các quy trình, công nghệ tiên tiến của nước ngoài;

Thứ ba, Chủ động thích ứng với tình hình cụ thể của doanh nghiệp, chẳng hạn yêu cầu hoạt động logistics tương ứng với từng ngành hàng cụ thể (dệt may, da giày, nông sản,...) liên quan nhiệt độ, thiết bị xếp dỡ, hạ tầng kho bãi phù hợp thể hiện năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp thông qua khả năng thực hiện hoạt động logistics, giảm sự phụ thuộc vào các nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài.

1.3 Kết quả thực hiện hoạt động kinh doanh năm 2023:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch
Vốn điều lệ	54.556.756.000	54.556.200.000	100%
Doanh thu thuần	800.000.000.000	1.012.292.450.505	126,54%
Lợi nhuận sau thuế	26.400.000.000	27.711.764.992	104,97%

3041
CÔNG
CỐ P
TÀI V
HÀNG
TP. H

Tỷ lệ LNST/DTT	3,3%	2,74%	82,96%
Tỷ lệ LNST/VĐL	48,39%	50,79%	104,97%

II. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

2.1 Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024
Doanh thu thuần	1.012.292.450.505	1.000.000.000.000
Lợi nhuận HĐKD	28.347.944.979	28.500.000.000
Lợi nhuận trước thuế	34.747.447.311	35.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế	27.711.764.992	28.000.000.000

2.2 Cơ sở thực hiện kế hoạch

❖ Kế hoạch đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh

- Tăng cường bổ sung việc tiếp thị cũng như quảng bá hình ảnh và dịch vụ của Kho Hàng Hóa chất và hàng nguy hiểm tại Cụm Công Nghiệp huyện Nhơn Trạch – Đồng Nai, bổ sung năng lực hoạt động kho vận của Công ty và phục vụ cho lĩnh vực mà nhà nước cần tăng cường quản lý đặc biệt với yêu cầu an toàn cao.
- Đẩy mạnh liên kết với đối tác nước ngoài cung ứng dịch vụ cho các nhà máy lớn đang đầu tư vào Việt Nam.
- Tập trung phát triển hệ thống chuỗi cung ứng, hỗ trợ các phân đoạn hình thành chuỗi cung ứng có liên kết tốt;
- Chú trọng tìm kiếm khách hàng xuất khẩu và tham gia vào dịch vụ cước quốc tế;

❖ Công tác quản lý công ty:

- Tăng cường giám sát và triển khai thực hiện việc quản lý Công ty theo quy định tại Điều lệ sửa đổi và các Quy chế quản lý nội bộ đã ban hành;
- Tập trung cải thiện năng lực thực thi của các phân đoạn tham gia vào chuỗi dịch vụ logistics, trong đó nâng cao năng lực vận tải nội địa, đầu tư thêm phương tiện vận tải.
- Chú trọng đến chất lượng dịch vụ và đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất, giảm thiểu những sai sót nghiệp vụ;
- Hợp lý hóa các chi phí để tăng hiệu quả kinh doanh, tiết kiệm các chi phí văn phòng, quản lý chặt chẽ các khoản chi phí làm hàng, chi phí thuê dịch vụ ngoài;
- Duy trì nhân sự hợp lý, tinh gọn đối với nhân viên hiện trường và nhân viên nghiệp vụ trong văn phòng, thu hút nhân viên bán hàng có chất lượng bằng chính sách thu nhập và khen



thường phù hợp.
Trân trọng báo cáo.

TM. BAN GIÁM ĐỐC

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Văn Quý



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023:

1.1 Tình hình chung của thị trường logistics năm 2023

Năm 2023, do tăng trưởng và các động lực chính của nền kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, nên thị trường logistics toàn cầu cũng chưa cho thấy nhiều sự cải thiện so với năm 2022. Theo Precedence Reseach, quy mô thị trường logistics toàn cầu đạt gần 9 nghìn tỷ USD năm 2023, và dự kiến sẽ tăng lên 18,23 nghìn tỷ USD năm 2030.

Thị trường dịch vụ logistics và kho bãi vẫn là thị trường có tốc độ tăng trưởng nhu cầu cao, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm là 4,1% (theo IT Contract Logistics Report, 2023) với quy mô thị trường khoảng gần 300 tỷ EUR năm 2023, với các động lực thị trường chính ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Các dự báo của Precedence, Drewry đều nhận định từ nay đến cuối năm 2023, và sang năm 2024, một trong những nhân tố chính là động lực tăng trưởng của thị trường logistics toàn cầu tiếp tục là sự phát triển của thương mại điện tử, cũng như những cải thiện về hạ tầng và khả năng kết nối tốc độ cao. Các động lực và xu hướng khác của thị trường bao gồm: xu hướng chuyển đổi số và tự động hóa, sự gia tăng của nhu cầu vận tải thủy và thị trường logistics hợp đồng.

Trong bối cảnh kinh doanh chung của các doanh nghiệp dịch vụ logistics năm 2023 gặp nhiều khó khăn, thách thức, thị trường vẫn có những dịch chuyển đáng chú ý với những xu thế và mô hình kinh doanh dịch vụ logistics mới.

Xu thế nổi trội của thị trường logistics năm 2023 cả ở trên thế giới và Việt Nam chính là sự dịch chuyển về dịch vụ của các hãng tàu với ngày càng nhiều hãng tàu tham gia cung cấp các dịch vụ kho bãi, vận tải đường bộ. Xu thế này xuất phát từ mong muốn đa dạng hóa nguồn thu và mở rộng danh mục đầu tư của các hãng tàu khi đứng trước bối cảnh hiệu quả kinh doanh mảng tàu biển giảm sút nghiêm trọng. Đi đầu xu thế này có thể kể đến hãng tàu quốc tế Maersk Lines, với sự đầu tư mạnh mẽ cho hoạt động của Maersk Logistics hay các hãng tàu trong nước như Vsico, GLS, với các dự án mới về nhà kho và vận tải phân phối đường bộ. Trong năm 2023, doanh nghiệp dịch vụ logistics cũng bắt đầu tiếp cận sâu hơn với khái niệm logistics xanh hay phát triển bền vững trong xu thế chung của toàn nền kinh tế Việt Nam hướng đến cân bằng phát thải ròng. Đã có một số nhà kho xây mới và đưa vào hoạt động trong năm 2023 đạt được chứng chỉ LEED về bảo vệ môi trường của Hội xây dựng Hoa Kỳ. Dự kiến đây sẽ là xu thế nổi bật của những năm tiếp theo khi các nước trên thế giới bắt đầu triển khai việc đo tín chỉ các-bon với hàng hóa nhập khẩu vào nước mình.

Tín hiệu tích cực là trong năm 2023, cơ quan quản lý Nhà nước, các Hiệp hội và các doanh nghiệp dịch vụ logistics đã tích cực triển khai và có nhiều hoạt động nhằm từng bước cải thiện năng lực cạnh tranh của ngành logistics Việt Nam.

Về mặt thể chế, chính sách liên quan đến dịch vụ logistics, các vấn đề về thủ tục đăng kiểm, thủ tục kiểm tra hàng quá cảnh hay thủ tục cấp C/O theo quy định mới đã nhận được sự quan tâm của cộng đồng doanh nghiệp dịch vụ logistics và cơ quan quản lý Nhà nước. Nhiều hội thảo, buổi đào tạo và đối thoại chính sách đã được tổ chức trong năm 2023 tập trung vào các vấn đề này đã phần nào tháo gỡ các khó khăn cho doanh nghiệp dịch vụ logistics.

Năm 2023, Bộ Công Thương đang triển khai Đề án xây dựng chiến lược phát triển logistics Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045 với nhiều chương trình khảo sát, làm việc tại các địa phương trọng điểm của các vùng kinh tế như Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ. Đây là lần đầu tiên Việt Nam xây dựng chiến lược quốc gia về logistics và kỳ vọng khi Đề án hoàn thành và chiến lược được phê duyệt, Việt Nam sẽ có các giải pháp tổng thể và lộ trình hoàn chỉnh để cải thiện năng lực cạnh tranh của ngành dịch vụ logistics.

1.2 Kết quả kinh doanh của Công ty năm 2023

Với tác động của tình hình chung như trên, kết thúc năm tài chính 2023, Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt hơn 1.012 tỷ đồng, tương ứng đạt 126,54% so với kế hoạch đề ra. Với sự nỗ lực tối đa của Ban điều hành trong việc tiết giảm các chi phí hoạt động, kết quả lợi nhuận sau thuế của Công ty gần 28 tỷ đồng, đạt 104,97% so với kế hoạch lợi nhuận sau thuế 26,4 tỷ đồng mà Đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2023 giao phó.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023:

1.1 Các cuộc họp và nghị quyết của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông ĐỖ VĂN MƯỜI	05 / 05	100%	
2	Ông NGUYỄN VĂN QUÝ	05 / 05	100%	
3	Ông TRẦN VIỆT HUY	05 / 05	100%	
4	Ông LÊ QUÝ NGHĨA	04 / 04	100%	
5	Ông NGUYỄN THÀNH ĐỒNG	04 / 04	100%	

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp Hội đồng quản trị định kỳ, bất thường và ban hành các Nghị quyết để quyết định các nội dung quan trọng về các lĩnh vực kế hoạch hoạt động kinh doanh, tổ chức nhân sự, tài chính... đảm bảo hoạt động của Công ty hiệu quả và tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty.

Ngoài ra, tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị đều xem xét, thảo luận và quyết định việc triển khai các nội dung kinh doanh theo Nghị quyết ĐHCĐ.

1.2 Báo cáo việc giám sát Tổng Giám đốc

Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty, trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã thực hiện công tác giám sát Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực sau:

a) Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh 2023

Trong năm 2023, Ban điều hành đã nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ thông qua. Cụ thể:

- Doanh thu thuần: đạt 1.012 tỷ đồng, tương ứng đạt 126,54% so với kế hoạch đề ra
- Lợi nhuận sau thuế: đạt 27,71 tỷ đồng, tương ứng hoàn thành 104,97% so với kế hoạch lợi nhuận sau thuế được ĐHĐCĐ giao phó.

b) Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023, các Nghị quyết của HĐQT năm 2023

Nghị quyết của ĐHĐCĐ được Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai thực hiện nghiêm túc.

1.3 Báo cáo chi phí Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022 và 2023 thì thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023 như sau:

a. Từ 01/01/2023 đến 21/05/2023:

Thù lao Hội đồng quản trị:

- Tổng số thành viên HĐQT : 03 thành viên.
- Tổng số thành viên nhận thù lao : 03 thành viên:
- Chủ tịch HĐQT : 15.000.000 đồng/tháng
- Thành viên (02) : 14.000.000 đồng/tháng

Tổng thù lao HĐQT từ 01/01/2023 đến 21/05/2023 : 200.043.478 đồng

Thù lao Ban kiểm soát

- Tổng số thành viên BKS : 03 thành viên
- Tổng số thành viên nhận thù lao : 03 thành viên
- Trưởng Ban kiểm soát : 2.500.000 đồng/tháng
- Thành viên (02) : 2.000.000 đồng /tháng

Tổng thù lao BKS từ 01/01/2023 đến 21/05/2023 : 30.239.130 đồng

b. Từ 22/05/2023 đến 31/12/2023:

Thù lao Hội đồng quản trị:

- Tổng số thành viên HĐQT : 05 thành viên.
- Tổng số thành viên nhận thù lao : 05 thành viên:
- Chủ tịch HĐQT : 16.000.000 đồng/tháng
- Thành viên (04) : 15.000.000 đồng/tháng

Tổng thù lao HĐQT từ 22/05/2023 đến 31/12/2023: 558.434.783 đồng

Thù lao Ban kiểm soát

- Tổng số thành viên BKS : 03 thành viên
- Tổng số thành viên nhận thù lao : 03 thành viên
- Trưởng Ban kiểm soát : 3.500.000 đồng/tháng
- Thành viên (02) : 3.000.000 đồng /tháng

Tổng thù lao BKS từ 22/05/2023 đến 31/12/2023: 69.804.348 đồng

Như vậy :

- *Tổng thù lao HĐQT năm 2023 : 758.478.260 đồng/năm*
- *Tổng thù lao BKS năm 2023 : 100.043.478 đồng/năm*

1.4. Báo cáo giao dịch nội bộ.

- Công ty không phát sinh giao dịch giữa công ty và công ty con, công ty do công ty Đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên Vốn điều lệ.

- Công ty không có giao dịch với công ty do các thành viên HĐQT và những người liên quan đến thành viên HĐQT.

- Công ty không có giao dịch với công ty mà thành viên HĐQT là sáng lập viên, hoặc người quản lý Doanh nghiệp trong 3 năm gần nhất.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

Là Doanh nghiệp hoạt động trong ngành dịch vụ chuỗi cung ứng, chịu tác động trực tiếp tình hình kinh doanh của các Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, hoạt động giao dịch thương mại trong nước và giữa Việt Nam với thế giới.

Mục tiêu dài hạn của chúng tôi là, Công ty định hướng tập trung duy trì, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ chuỗi cung ứng, trên cơ sở hạ tầng hiện có, tiếp tục đầu tư nâng cấp và mở rộng, hướng đến liên doanh liên kết với các đối tác cùng ngành nghề, nâng cao khả năng cạnh tranh của công ty.

Bên cạnh đó, TRA-SAS sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đầu tư vào Kho bãi làm nền tảng phục vụ các lĩnh vực ngành nghề kinh cốt lõi hoặc đồng tâm tiệm cận với các lĩnh vực cốt lõi, nâng cao uy tín và chất lượng dịch vụ, tìm kiếm đối tác và khách hàng mới, mở rộng thị trường, song song với việc củng cố và duy trì mối quan hệ hợp tác với các đại lý và khách hàng hiện hữu. Ngoài ra, Công ty không ngừng nâng cao năng lực quản lý, kiện toàn tổ chức theo hướng chuyên môn hóa và chú trọng đầu tư công nghệ làm cốt lõi cho sự phát triển, làm nền móng cho các dịch vụ logistic hiện đại cũng như tham gia sâu vào hoạt động của chuỗi cung ứng trong thời gian tới.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin được coi là biện pháp cốt lõi để tạo dựng lợi thế cạnh tranh trong lĩnh vực logistics. Các biện pháp tăng cường kỹ năng và hiệu suất trong quản lý và điều khiển thông tin cho sự phát triển dịch vụ của Công ty. Việc triển khai các hệ thống điện tử (e-systems) được tăng cường với mục tiêu dịch vụ hải quan không giấy tờ thông qua một hệ thống e-logistics. Các ứng

dụng khác áp dụng tiến bộ về công nghệ thông tin cũng được khuyến khích sử dụng để ngày càng cải thiện chất lượng dịch vụ.

Đảm bảo xây dựng nguồn nhân lực nội bộ chất lượng cao đáp ứng nhu cầu dài hạn của lĩnh vực logistics thông qua hoạt động đào tạo lại và học tập liên tục, chú trọng đến các kỹ năng về công nghệ, thương mại và vận hành.

Công ty duy trì xây dựng định hướng phát triển hoạt động xuất nhập khẩu thương mại, vận tải hàng hóa để phù hợp với tình hình, đặc điểm của một nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam cũng như hướng phát triển của ngành giao nhận, vận tải nói chung với mục tiêu trở thành một trong những công ty hàng đầu Việt Nam, từng bước tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Trân trọng báo cáo.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



ĐỖ VĂN MƯỜI



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024



BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2023

SỐ:01.2024.BKS.TRS

✧

THÁNG 05/2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ CTCP Vận tải và Dịch vụ Hàng hải, tôi xin thay mặt Ban kiểm soát báo cáo với Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023**1. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên và đã tổ chức 03 cuộc họp. Các Thành viên Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát, đồng thời phân công thành viên tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Nội dung chi tiết như sau:

Phiên họp	Thành phần tham dự	Nội dung họp
Phiên 1: Ngày 10/04/2023	3/3	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá nội dung báo cáo tài chính năm 2022; xem xét và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 của công ty và các chi nhánh. - Trao đổi và đánh giá công tác giám sát tính tuân thủ các quy định của các thành viên HĐQT.
Phiên 2: Ngày 24/05/2023	3/3	<ul style="list-style-type: none"> - Bầu Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028
Phiên 3: Ngày 15/10/2023	3/3	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét nội dung kế hoạch hoạt động 2023 - Xem xét báo cáo tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2023 - Lên kế hoạch kiểm soát công nợ quá hạn để đề phòng rủi ro tài chính năm 2023

2. Kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính được Đại hội đồng cổ đông giao phó, đảm bảo lợi ích hợp pháp và tối ưu cho Công ty và cổ đông của Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình quản trị công ty, quy chế quản lý điều hành có phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định hiện hành liên quan, văn bản nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả, thực hiện đúng Điều lệ Công ty và đúng pháp luật.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa, hạn chế sai sót, rủi ro tiềm tàng trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là hoạt động tài chính.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát:

Trong năm 2023, thù lao của Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

ĐVT: đồng/tháng

Chức vụ	Thù lao
Từ 01/01/2023 đến 21/05/2023	
Trưởng Ban Kiểm soát	2.500.000
Thành viên Ban Kiểm soát	2.000.000
Tổng cộng thù lao 01/01/2023 đến 21/05/2023	30.239.130
Từ tháng 22/05/2023 đến 31/12/2023	
Trưởng Ban Kiểm soát	3.500.000
Thành viên Ban Kiểm soát	3.000.000
Tổng cộng thù lao 22/05/2023 đến 31/12/2023	69.804.348
Tổng cộng đã chi trong năm 2023	100.043.478

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Công ty

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch (%)
Vốn điều lệ	54.556.756.000	54.556.200.000	100%
Doanh thu thuần	800.000.000.000	1.012.292.450.505	126,54%
Lợi nhuận sau thuế	26.400.000.000	27.711.764.992	104,97%
Tỷ lệ LNST/DTT	3,3%	2,74%	82,96%
Tỷ lệ LNST/VĐL	48,39%	50,79%	104,97%

Trong năm, Hội đồng quản trị TRA-SAS xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2023 trên cơ sở thận trọng với mức doanh thu và lợi nhuận dự kiến là 800 tỷ đồng và 26,4 tỷ đồng.

Tuy nhiên, Ban lãnh đạo công ty đã lựa chọn đúng phân khúc khách hàng, kết quả kinh doanh năm 2023 đạt 1,012 tỷ đồng, tăng hơn 26% so với kế hoạch đặt ra. Đồng thời, kết quả thực hiện của lợi nhuận sau thuế đạt 104,97% so với kế hoạch đặt ra, tăng 9,49% so với năm trước.

2. Kết quả giám sát tình hình tài chính của Công ty

Ban kiểm soát đã tiến hành làm việc với Kế toán trưởng, rà soát báo cáo tài chính do Ban điều hành lập và có ý kiến của đơn vị Kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Ban kiểm soát nhận thấy: Xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của CTCP Vận tải và Dịch vụ Hàng hải đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban kiểm soát đã thống nhất với báo cáo tài chính và ý kiến của kiểm toán trên báo cáo tài chính năm 2023 (đính kèm trong tài liệu Đại hội).

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Qua kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh năm 2023, Ban Kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể như sau:

1. Kết quả giám sát đối với Hội Đồng Quản Trị

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp Hội đồng quản trị định kỳ, bất thường, kể cả các cuộc họp trực tuyến (online) và ban hành các Nghị quyết để quyết định các nội dung quan trọng về các lĩnh vực kế hoạch hoạt động kinh doanh, tổ chức nhân sự, tài chính, ngân hàng, đảm bảo hoạt động của Công ty hiệu quả và tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty.

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông ĐỖ VĂN MƯỜI	05 / 05	100%	
2	Ông NGUYỄN VĂN QUÝ	05 / 05	100%	
3	Ông TRẦN VIỆT HUY	05 / 05	100%	
4	Ông LÊ QUÝ NGHĨA	04 / 04	100%	
5	Ông NGUYỄN THÀNH ĐÔNG	04 / 04	100%	

2. Kết quả giám sát đối với Ban Giám đốc, người điều hành khác và cổ đông

Trong các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham gia của Ban Giám đốc và thành viên Ban kiểm soát, từ đó có những ý kiến thảo luận, đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Giám sát việc thực hiện, tạm ứng chi trả thù lao HĐQT, BKS trong năm 2023, Công ty đã tạm ứng chi trả thù lao đầy đủ cho các thành viên HĐQT, BKS theo đúng quy định cũng như định mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

Hội đồng quản trị thường xuyên cân nhắc những nội dung mà Đại hội cổ đông giao cho để tìm giải pháp thực hiện. Ban Giám đốc đã tổ chức thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày. Ban điều hành cũng đã nỗ lực hoàn thành vượt chỉ tiêu doanh thu thuần và đạt lợi nhuận sau thuế mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã giao.

Trong năm 2023, BKS không nhận được khiếu nại của cổ đông về các sai phạm của HĐQT, BGD và BKS trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

IV. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG.

Trong năm 2023, BKS luôn nhận được đầy đủ thông tin về kế hoạch, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của công ty được cập nhật thường xuyên 4 quý trong năm 2023.

BKS đã chủ động phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban giám đốc trong quá trình triển khai các hoạt động chuyên môn. Thường xuyên trao đổi với Ban giám đốc điều hành khi có những vấn đề phát sinh, cùng trao đổi những nội dung của báo cáo kiểm toán độc lập hàng quý và cả năm.

Trong năm 2023, BKS chưa ghi nhận dấu hiệu bất thường nào làm ảnh hưởng, hay vi phạm quy định của Nhà nước cũng như của Công ty trong công tác, hoạt động điều hành của các thành viên HĐQT, BGD và BKS làm ảnh hưởng đến quyền lợi cổ đông. Với sự phối hợp giữa BKS và HĐQT, BGD được thể hiện qua 3 phiên họp của BKS và mang lại kết quả kinh doanh vượt chỉ tiêu đề ra, với nền tảng đạt được năm 2023, BKS sẽ nỗ lực theo dõi sát sao, phối hợp tốt hơn nữa với kỳ vọng đạt được kết quả kinh Doanh như chỉ tiêu mà Đại hội đề ra cho năm 2024.

V. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC GIAO DỊCH:

1. Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó:

Trong năm chưa nhận thấy có phát sinh giao dịch giữa công ty và công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% Vốn điều lệ trở lên với thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan đối tượng đó.

2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng

lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Không có giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc quản lý Doanh nghiệp trong thời gian 3 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

- Giám sát tính tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024 được thông qua. BKS xem đây là nhiệm vụ trọng tâm đảm bảo quyền lợi tối ưu cho các cổ đông Công ty.
- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với đơn vị Kiểm toán độc lập trong việc xem xét các báo cáo đánh giá của đơn vị và giám sát việc thực thi các vấn đề được bên kiểm toán đưa ra trong thuyết minh và thư khuyến nghị kiểm toán (nếu có)
- Thẩm định các Báo cáo tài chính, Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh và Báo cáo tình hình quản trị của Hội đồng quản trị hàng quý, bán niên, năm của Công ty và chi nhánh qua đó đánh giá tình hình tài chính và quản lý vốn tại Công ty.
- Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trên đây là báo cáo năm 2023 của Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua!

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



PHẠM XUÂN KHÓA



TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

(V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, bao gồm các nội dung:

1. Báo cáo kiểm toán độc lập;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023;
3. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023;
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình.

Tài liệu đính kèm:

BCTC đã kiểm toán năm 2023

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS “để báo cáo;
- ĐHĐCĐ “để thông qua”

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



ĐỖ VĂN MƯỜI

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
(V/v Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 năm 2019 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải;

Kính thưa Đại hội,

Căn cứ những quy định của pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải, nhằm tạo tiền đề vững chắc cho hoạt động của Công ty và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc ban hành các Quy chế hoạt động cụ thể như sau:

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
3. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Dự thảo các Quy chế nêu trên được đính kèm theo Tờ trình này.

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế Hội đồng quản trị và Quy chế Ban kiểm soát sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua nội dung và toàn văn các Bản Quy chế đính kèm.

Xin chân thành cảm ơn.



Tài liệu đính kèm:

- Bản Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS “để báo cáo”;
- ĐHĐCĐ “để thông qua”.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



ĐỖ VĂN MƯỜI



TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2024

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 01.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 05 năm 2024;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
- Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ, viết tắt:

- Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - “Công ty” là Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải;
 - “Điều lệ Công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải;

- c) “Quản trị Công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.
- d) "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc (Tổng Giám đốc), Giám đốc điều hành, Giám đốc Nghiệp vụ, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
- e) "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- f) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
- g) “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), Giám đốc điều hành, Giám đốc Nghiệp vụ, Giám đốc Tài chính, kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác .
- h) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- i) "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- j) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.
- k) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. **Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

- a) Hội đồng quản trị có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 13 Điều lệ Công ty; và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Khoản 3, Điểm a Khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty.
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thì Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông căn cứ theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty.
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông căn cứ theo quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

- a) Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định pháp luật về chứng khoán. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty.

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

- a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
- b) Quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông căn cứ theo quy định tại Khoản 4 Điều 17 Điều lệ Công ty.
- c) Việc người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này căn cứ theo quy định tại Khoản 5 Điều 17 Điều lệ Công ty.
- d) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này theo quy định tại Khoản 6 Điều 17 Điều lệ Công ty.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông có thể đăng ký tham dự cuộc họp theo những cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, đăng ký trực tuyến, đăng ký qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Công ty.

8. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông căn cứ theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

10. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

10.1 Nguyên tắc chung

- a) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- b) Cổ đông thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

10.2 Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- a) Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.
- b) Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

11. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

11.1 Nguyên tắc chung

- a) Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- b) Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

11.2 Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

- a) Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
- b) Cổ đông tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- c) Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- d) Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;
- e) Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi cổ đông được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
- Cổ đông bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử;
 - Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, cổ đông đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
 - Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- f) Nguyên tắc trúng cử:
- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
 - Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
 - Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

12. Cách thức kiểm phiếu

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp nếu như Điều lệ Công ty không có quy định khác.

14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua căn cứ theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

15. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông căn cứ theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

16. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông căn cứ theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

17. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện căn cứ theo quy định tại Khoản 6 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

2.1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

2.2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 2.3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- 2.4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- 2.5. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 2.6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 2.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- 2.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Căn cứ theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp với hình thức hội nghị trực tiếp.

Trường hợp tổ chức đại hội có theo hình thức trực tuyến, Hội đồng quản trị có trách nhiệm:

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
2. Xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức đại hội trực tuyến, trong đó phải quy định rõ các nội dung liên quan:
 - a) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - b) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - c) Điều kiện tiên hành;
 - d) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
 - f) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
 - g) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
 - h) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - i) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị căn cứ theo quy định tại các Khoản 1, 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 và Khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị căn cứ theo các Khoản 1, 2 và 3 Điều 24 Điều lệ Công ty.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - (i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - (ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (iii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
- b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - (i) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (ii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
- c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b, Khoản 5 Điều này.
- d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- (i) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- (ii) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
- (iii) Trừ trường hợp quy định tại tiểu mục (i) và (ii), điểm d khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Điều lệ Công ty.

Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Điều lệ Công ty.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị căn cứ theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 28 Điều lệ Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị

9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị căn cứ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.

10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

10.1. Số lượng cuộc họp tối thiểu:

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường

10.2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị quy định tại khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị

10.3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

Việc thông báo họp Hội đồng quản trị căn cứ theo quy định tại Khoản 6, 7 Điều 29 Điều lệ Công ty.

10.4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát căn cứ theo quy định tại Khoản 8 Điều 29 Điều lệ Công ty.

10.5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị căn cứ theo quy định tại Khoản 9 Điều 29 Điều lệ Công ty.

10.6. Cách thức biểu quyết

Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị căn cứ theo quy định tại Khoản 10 và Khoản 11 Điều 29 Điều lệ Công ty.

10.7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị căn cứ theo quy định tại Khoản 13 Điều 29 Điều lệ Công ty.

10.8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị căn cứ theo quy định tại Khoản 12 Điều 29 Điều lệ Công ty.

10.9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

- a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (iv) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (v) Thời gian, địa điểm họp;
 - (vi) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - (vii) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - (viii) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (ix) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- (x) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (xi) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (xii) Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm b, khoản này.
- b) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 - c) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 - d) Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 - e) Theo phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thư ký Công ty có trách nhiệm sao hoặc trích sao Biên bản cuộc họp của HĐQT gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty để thực hiện;
 - f) Biên bản sẽ được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung Biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi;
 - g) Biên bản họp Hội đồng quản trị được ghi vào sổ biên bản có đánh số trang liên tục, có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp vào từng trang hoặc có thể được lập dưới dạng văn bản rời, có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp. Văn bản này phải được đóng dấu giáp lai và được lưu trữ theo thứ tự thời gian tại trụ sở Công ty.

10.10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị, nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các tiểu mục (i), (ii), (iii), (iv), (v), (vi), (vii), (viii), (ix), (x), (xi) điểm a, khoản 10.9 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

10.11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

- a) Hội đồng quản trị sẽ ban hành Nghị quyết đối với mỗi vấn đề quan trọng đã được thảo luận và quyết nghị tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và phải được phản ánh đầy đủ trong Biên bản cuộc họp;

Nghị quyết hay Quyết định của Hội đồng quản trị phải được ban hành chậm nhất không quá năm (05) ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp Hội đồng quản trị hoặc ngày chốt lấy ý kiến đối với trường hợp thông qua bằng văn bản và phải được gửi ngay đến tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc để phối hợp triển khai và giám sát thực hiện;

- b) Căn cứ Biên bản cuộc họp/Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản ban hành các Quyết định, Quy định,

Chi thị và các văn bản hướng dẫn khác của Hội đồng quản trị để thực hiện trong toàn Công ty;

Các Quyết định, Quy định, Chi thị và các văn bản hướng dẫn khác sau khi đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành phải được sao gửi cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc để theo dõi và giám sát thực hiện.

Điều 9. Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn và bổ nhiệm của Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

2. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp như sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn làm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều này.
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

3. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được Công bố theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 3 Điều 31 Điều lệ Công ty, cụ thể:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 10. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 11. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty có ít nhất 03 thành viên và nhiều nhất là 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát căn cứ theo Khoản 2 Điều 36 và Khoản 1 Điều 37 Điều lệ Công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

- a) Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty.
- b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Quy chế này. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát căn cứ theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 36 Điều lệ Công ty.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được Công bố theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên căn cứ theo quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 12. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 13. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

- a) Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho Tổng Giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- b) Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:
- c) Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
- d) Thù lao, tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 14. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong các mối quan hệ phối hợp với Ban kiểm soát

- a) Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát (đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
- c) Khi Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

2. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong mối quan hệ phối hợp với Hội đồng quản trị

- a) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- b) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời vấn đề mà thành viên Ban kiểm soát quan tâm;
- c) Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- d) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm

pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

- e) Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;
- f) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Điều 15. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Trong trường hợp cấp thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và cán bộ quản lý trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động Công ty. Hội đồng quản trị không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty mà được Tổng Giám đốc đề xuất phải được Hội đồng quản trị phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.
4. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát.

1. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời vấn đề mà thành viên Ban kiểm soát quan tâm;
2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
3. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Tổng giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
5. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 48 giờ. Ban kiểm soát không được sử dụng thông tin khi chưa được pháp công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện giao dịch có liên quan.
6. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng giám đốc phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Tổng Giám đốc sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Điều 17. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và phải báo cáo cho các cơ quan này khi có yêu cầu.
3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao các hoạt động và quản lý Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định.
4. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.
5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong 07 ngày.

Điều 18. Việc tiếp cận thông tin

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, Ban kiểm soát có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho Hội đồng quản trị trước khi cung cấp hoặc trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Biên bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Tổng Giám đốc;
 - d) Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;
 - e) Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
 - f) Tài liệu liên quan khác.

Điều 19. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

1. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và cán bộ quản lý

Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý từ Giám đốc điều hành, Giám đốc Nghiệp vụ, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng/ban, Giám đốc/Trưởng các đơn vị trực thuộc trong Công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận của toàn Công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các cấp sau:

- a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- c) Hoàn thành nhiệm vụ;
- d) Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

2. Khen thưởng

- a) Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp và cán bộ quản lý, Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
- b) Chế độ khen thưởng
 - (i) Bằng tiền.
 - (ii) Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).
- c) Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ quỹ thi đua khen thưởng, quỹ thưởng của cổ đông khi đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận. Mua cổ phiếu quỹ để khen thưởng.
- d) Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.
- e) Việc khen thưởng thực hiện theo Quy chế Quản lý, phân phối sử dụng Quỹ thưởng Ban điều hành của Công ty do Hội đồng Quản trị ban hành.

3. Xử lý vi phạm và kỷ luật

- a) Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ kỷ luật hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công

ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải bao gồm 20 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 05 năm 2024

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐỖ VĂN MƯỜI

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2024

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Số 01.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 05 năm 2024;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải bao gồm các nội dung sau:

Giải thích từ ngữ, viết tắt:

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- “Công ty” là Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải;
- “Điều lệ” là bản Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 22/05/2023;
- “Luật Doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);
- “Luật Chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);
- “Người có liên quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 23, Điều 4 của Luật doanh nghiệp và Khoản 46, Điều 4 của Luật chứng khoán.
- “Người đại diện theo ủy quyền” là người được Cổ đông là tổ chức ủy quyền để thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của pháp luật;

- h. “Người được ủy quyền dự họp” là người được Cổ đông (tổ chức hoặc cá nhân), hoặc Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức, ủy quyền để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo các hình thức được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - i. “Người quản lý” là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc;
 - j. “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định lại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015, và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) và các luật, các quy định có hiệu lực như luật thành văn hoặc không thành văn đang có hiệu lực tại nơi Công ty niêm yết cổ phiếu để giao dịch hoặc tại nơi Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu, bao gồm cả các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - k. “Quy chế” là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị này;
 - l. “Sở Giao dịch Chứng khoán” là sở giao dịch chứng khoán mà Công ty niêm yết cổ phiếu để giao dịch hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu;
 - m. “Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị” là thành viên Hội đồng Quản trị đáp ứng các điều kiện về thành viên độc lập theo quy định của pháp luật;
 - n. “Việt Nam” là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một quy định hoặc văn bản sẽ bao gồm các sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế quy định hoặc văn bản đó.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.
 4. “Người” sẽ bao gồm cá nhân và tổ chức.

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải được xây dựng căn cứ theo Điều lệ Công ty và Quy chế Công ty.
2. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng trong mọi hoạt động của Hội đồng quản trị, của các Thành viên Hội đồng quản trị và của cán bộ nhân viên khác hoạt động trong lĩnh vực quản lý của Công ty. Nếu có bất kỳ điều khoản nào trong Quy chế này mâu thuẫn với Điều lệ Công ty thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được áp dụng;

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội

đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.
4. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn chung của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty, các nhiệm vụ cụ thể liên quan đến vị trí, điều kiện công tác và/ hoặc năng lực cá nhân theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Giám đốc Nghiệp vụ, Giám đốc Tài chính; người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.
3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty,
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;
 - d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
 - d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản đã được Hội đồng quản trị thông qua thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị (ngoài các văn bản đã giao cho Tổng Giám đốc);
 - f) Theo dõi và đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ giữa hai kỳ họp Hội đồng quản trị;
 - g) Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền thường xuyên một số quyền hạn và trách nhiệm cho thành viên Hội đồng quản trị theo văn bản ủy quyền;
 - h) Ký các văn bản nhân danh Đại hội đồng cổ đông khi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ủy quyền;
 - i) Chủ tịch Hội đồng quản trị phụ trách quản lý chung hoạt động của Hội đồng quản trị và trực tiếp phụ trách một hoặc một số mặt công tác để giải quyết những công việc

khác đã được Hội đồng quản trị giao quyền hoặc được pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không xử lý công việc đã ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp hiệu lực ủy quyền đã hết;

- j) Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp gặp gỡ, trao đổi và nhận thông tin, tài liệu từ cán bộ, nhân viên về hoạt động của Công ty;
 - l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - b) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - c) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - d) Xây dựng, theo dõi Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị và Lịch công tác của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;
 - e) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; Làm biên bản các cuộc họp;
 - f) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Hỗ trợ Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - g) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - h) Ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;
 - i) Soạn thảo các văn bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- j) Giúp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị triển khai, theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị
- k) Tổng hợp trình Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị các đề nghị, văn bản, tài liệu do Tổng Giám đốc trình cũng như các văn bản của các cơ quan, đơn vị khác gửi đến Hội đồng quản trị
- l) Lập sổ theo dõi công văn đi, đến của Hội đồng quản trị. Bảo quản, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị. Cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các Nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và do Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị giao.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích

- khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

- 1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều 15 của Quy chế này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách

nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác [theo quy định trong Điều lệ công ty].

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản và thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
6. Theo phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thư ký Công ty có trách nhiệm sao hoặc trích sao Biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty để thực hiện;

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 3. Báo cáo quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
 3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.
2. Hội đồng quản trị không can thiệp vào công tác điều hành của Tổng Giám đốc Công ty. Hội đồng quản trị có thể tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của bộ máy điều hành Công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác,... do Tổng Giám đốc Công ty chủ trì trước khi trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt. Hàng năm, Hội đồng quản trị có kế hoạch làm việc với các Đơn vị trực thuộc của Công ty để kiểm tra giám sát việc triển khai

- kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị và để kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Hội đồng quản trị sử dụng các phòng ban chức năng và/hoặc các chuyên viên của Công ty để giúp Hội đồng quản trị xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan;
 - Tổ Thư ký Công ty có trách nhiệm tổ chức quản lý các hồ sơ, tài liệu và công văn giao dịch đi & đến của Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành về quản lý tài liệu của Công ty; Tất cả các hồ sơ, văn bản của Ban điều hành Công ty trình Hội đồng quản trị, Tổ thư ký có trách nhiệm gửi cho Hội đồng quản trị ngay trong ngày làm việc tiếp theo;
 - Các công văn, tài liệu giao dịch gửi đến cho Hội đồng quản trị, sau khi vào sổ theo dõi, phải được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền để xử lý. Những công văn, tài liệu giao dịch của cổ đông hoặc của các cơ quan cấp trên gửi đến Công ty có nội dung liên quan đến công tác quản lý phải được sao gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền để phối hợp xử lý;
 - Các công văn, tài liệu giao dịch do Hội đồng quản trị ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số Hội đồng quản trị và bản lưu phải được quản lý riêng;
 - Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Công ty và/hoặc để thực hiện các giao dịch với tổ chức/cá nhân ngoài Công ty.
 - Các hồ sơ, văn bản do Ban điều hành trình Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có văn bản trả lời hoặc ban hành Nghị quyết, Quyết định trong thời gian tối đa là mười (10) ngày làm việc.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

- Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- Ban Kiểm soát thực hiện việc thẩm định và chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, đồng thời định kỳ thông báo cho Hội đồng quản trị về kế hoạch tiến hành cũng như kết quả thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của Công ty.
- Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 05 năm 2024.

MỤC LỤC

Giải thích từ ngữ, viết tắt:	1
CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	2
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	8
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	9
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	11
Điều 14. Các tiêu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	12
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	12
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	14
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	14
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm.....	14
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	15
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành.....	16
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	17
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	17
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	17



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2024

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Số 01.2024/NQ-DHĐCĐ ngày 31 tháng 05 năm 2024;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải bao gồm các nội dung sau:

Giải thích từ ngữ, viết tắt:

- Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - “Công ty” là Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải;
 - “Điều lệ” là bản Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 22/05/2023;
 - “Luật Doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);
 - “Luật Chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);
 - “Người có liên quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 23, Điều 4 của Luật doanh nghiệp và Khoản 46, Điều 4 của Luật chứng khoán.
 - “Người đại diện theo ủy quyền” là người được Cổ đông là tổ chức ủy quyền để thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của pháp luật;

- h. “Người được ủy quyền dự họp” là người được Cổ đông (tổ chức hoặc cá nhân), hoặc Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức, ủy quyền để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo các hình thức được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - i. “Người quản lý” là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc;
 - j. “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định lại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015, và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) và các luật, các quy định có hiệu lực như luật thành văn hoặc không thành văn đang có hiệu lực tại nơi Công ty niêm yết cổ phiếu để giao dịch hoặc tại nơi Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu, bao gồm cả các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - k. “Quy chế” là Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát này;
 - l. “Sở Giao dịch Chứng khoán” là sở giao dịch chứng khoán mà Công ty niêm yết cổ phiếu để giao dịch hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu;
 - m. “Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị” là thành viên Hội đồng Quản trị đáp ứng các điều kiện về thành viên độc lập theo quy định của pháp luật;
 - n. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một quy định hoặc văn bản sẽ bao gồm các sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế quy định hoặc văn bản đó.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.
 4. “Người” sẽ bao gồm cá nhân và tổ chức.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải được áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ít nhất ba (03) thành viên và nhiều nhất là năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác];

- d) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát trị căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hằng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 05 năm 2024.
2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng
3. Các Kiểm soát viên Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.
4. Các quy định khác không được nêu trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



PHẠM XUÂN KHỎA

MỤC LỤC

Giải thích từ ngữ, viết tắt:	1
CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	2
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát	3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	4
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	7
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	8
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	8
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	8
CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	9
Điều 16. Trình báo cáo hằng năm	9
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát	9
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	10
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	10
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	10
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	10
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	11
Điều 22. Hiệu lực thi hành	11

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI
Số: 04.2024.TT.TRS.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TP.HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

(V/v Thông qua Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2023 và Kế hoạch năm 2024)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải;
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán tại thời điểm 31/12/2023 của Công ty

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và Kế hoạch năm 2024 như sau :

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (Đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2023	34.747.447.311
2	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7.035.682.319
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	27.711.764.992
4	Chi trả cổ tức năm 2023	16.330.560.000
	4.1. Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20%	10.887.040.000
	4.2. Chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%	5.443.520.000
5	Lợi nhuận còn lại sau khi chia cổ tức	11.381.204.992

Cổ tức được chi trả sẽ được Hội đồng quản trị thông báo và chia cho cổ đông trong năm 2024.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2024	35.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2024	28.000.000.000
3	Chi trả cổ tức năm 2024 (dự kiến tỷ lệ 15% cổ phiếu, 15% tiền mặt/ VDL mới : 65.443.240.000 VND)	19.596.666.000
4	Lợi nhuận còn lại sau khi chia cổ tức	8.403.334.000

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS “để báo cáo:
- ĐHĐCĐ “để thông qua”

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



ĐỖ VĂN MƯỜI



Số: 05.2024.TT.TRS

TP.HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2024



TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

(V/v chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2024)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
 - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
 - Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
 - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải;
- Việc lựa chọn công ty kiểm toán của TRA-SAS phải thỏa mãn các điều kiện sau:
- Tổ chức kiểm toán có tên trong danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024.
 - Có danh tiếng và uy tín để tăng cường mức độ tin nhiệm và tin tưởng đối với người đọc báo cáo tài chính của TRA-SAS đặc biệt đối với các đối tác là tổ chức trong và ngoài nước.
 - Do ĐHĐCĐ chọn lựa ngay tại ĐHĐCĐ thường niên.
 - Chi phí kiểm toán hợp lý.

Nhằm lựa chọn công ty kiểm toán đáp ứng những yêu cầu trên, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn một trong các Công ty kiểm toán dưới đây để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính cho TRA-SAS theo quy định pháp luật trong năm tài chính 2024:

1. Công ty kiểm toán Ernst and Young,
2. Công ty Kiểm toán KPMG.
3. Công ty Kiểm toán AASC.
4. Công ty Kiểm toán và Tư vấn A&C.



Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS “để báo cáo:
- ĐHDCD “để thông qua”



PHẠM XUÂN KHỎA



CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG
HẢI

-----***-----

Số: 06.2024.TT.TRS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

TP.HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(V/v Thông qua thù lao HĐQT và BKS năm 2023 và kế hoạch thù lao năm 2024)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch năm 2024 như sau:

1. Thù lao HĐQT, BKS năm 2023:

a. Từ 01/01/2023 đến 21/05/2023:

⚡ Thù lao Hội đồng quản trị:

- Tổng số thành viên HĐQT : 03 thành viên.
- Tổng số thành viên nhận thù lao : 03 thành viên:
- Chủ tịch HĐQT : 15.000.000 đồng/tháng
- Thành viên (02) : 14.000.000 đồng/tháng

Tổng thù lao HĐQT từ 01/01/2023 đến 21/05/2023 : 200.043.478 đồng

⚡ Thù lao Ban kiểm soát

- Tổng số thành viên BKS : 03 thành viên
- Tổng số thành viên nhận thù lao : 03 thành viên
- Trưởng Ban kiểm soát : 2.500.000 đồng/tháng
- Thành viên (02) : 2.000.000 đồng /tháng

Tổng thù lao BKS từ 01/01/2023 đến 21/05/2023 : 30.239.130 đồng

b. Từ 22/05/2023 đến 31/12/2023:

⚡ Thù lao Hội đồng quản trị:

- Tổng số thành viên HĐQT : 05 thành viên.
- Tổng số thành viên nhận thù lao : 05 thành viên:
- Chủ tịch HĐQT : 16.000.000 đồng/tháng
- Thành viên (04) : 15.000.000 đồng/tháng

Tổng thù lao HĐQT 22/05/2023 đến 31/12/2023: 558.434.783 đồng

⚡ Thù lao Ban kiểm soát



- Tổng số thành viên BKS : 03 thành viên
 - Tổng số thành viên nhận thù lao : 03 thành viên
 - Trưởng Ban kiểm soát : 3.500.000 đồng/tháng
 - Thành viên (02) : 3.000.000 đồng /tháng
- Tổng thù lao BKS từ 22/05/2023 đến 31/12/2023: 69.804.348 đồng**

Như vậy :

- **Tổng thù lao HĐQT năm 2023 : 758.478.260 đồng/năm**
- **Tổng thù lao BKS năm 2023 : 100.043.478 đồng/năm**

2. Kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2024:

⚡ Thù lao Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch HĐQT: 16.000.000 đồng/tháng
- Thành viên: 15.000.000 đồng/tháng

⚡ Thù lao Ban kiểm soát

- Trưởng Ban kiểm soát: 3.500.000 đồng/tháng
- Thành viên: 3.000.000 đồng/tháng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS “để báo cáo:
- DHĐCĐ “để thông qua”

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



ĐỖ VĂN MƯỜI



TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

(V/v Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2023)

Căn cứ:

- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức tỷ lệ 20% với nội dung cụ thể như sau:

1. Tổ chức phát hành	:CTCP VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI
2. Mã chứng khoán:	:TRS
3. Loại cổ phiếu phát hành	:Cổ phiếu phổ thông.
4. Mệnh giá cổ phiếu	:10.000 đồng/cổ phiếu
5. Vốn điều lệ	:54.556.200.000 đồng.
6. Số lượng cổ phiếu đã phát hành	:5.455.620 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:5.443.520 cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu quỹ	:12.100 cổ phiếu
9. SL cổ phiếu dự kiến phát hành	:1.088.704 cổ phiếu
10. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	:10.887.040.000 đồng.
11. Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành	:65.443.240.000 đồng.
12. Hình thức phát hành	: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng



vốn điều lệ dưới hình thức chi trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 20%

13. Đối tượng phát hành

:Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

14. Nguồn vốn thực hiện phát hành

:Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2023 theo BCTC đã được kiểm toán năm 2023 của Công ty.

15. Tỷ lệ thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

Tỷ lệ 100:20 : Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 20 cổ phiếu mới

Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: Cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần thập phân sẽ bị hủy bỏ.

Ví dụ: cổ đông A sở hữu 201 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 100:20, cổ đông A sẽ được 40,2 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, số lượng 0,2 cổ phiếu lẻ sẽ được hủy bỏ. Như vậy, cổ đông A sẽ nhận được 40 cổ phiếu mới.

Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng. Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng.

16. Thời điểm phát hành dự kiến

:Trong năm 2024, thời điểm phát hành cụ thể giao cho HĐQT quyết định.

17. Đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu phát hành thêm:

Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được đăng ký bổ sung Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi kết thúc đợt phát hành.

18. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện:

- Quyết định chi tiết nội dung phương án phát hành và/hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án phát hành khi cần thiết theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công.
- Lựa chọn thời điểm phát hành cụ thể và thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc hoàn tất phương án phát hành, xin phép phát hành và triển khai thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
- Phê chuẩn các hồ sơ và tài liệu khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu.
- Hoàn tất các thủ tục cần thiết để tăng vốn điều lệ của Công ty.
- Lập hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung, đăng ký giao dịch bổ sung; thực hiện các thủ tục, công việc cần

04184
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÁT HÀNH
CỔ PHIẾU MỚI VÀ DI
NG H
HỒ C

thiết để đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung số lượng cổ phiếu được phát hành theo phương án nêu trên.

- Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty liên quan đến việc thay đổi mức vốn điều lệ sau khi thực hiện phát hành cổ phiếu.
- Thực hiện các thủ tục điều chỉnh giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp với Sở Kế hoạch Đầu tư Tp.HCM.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS "để báo cáo"
- ĐHĐCĐ "để thông qua"

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐỖ VĂN MƯỜI



TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh mới và cập nhật chi tiết nội dung ngành nghề kinh doanh hiện hữu

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Hàng hải.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ (đã được thay thế bởi Hệ thống ngành mới ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ);

Căn cứ Điều lệ hiện hành Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Hàng hải;

Căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty, với định hướng phát triển và mở rộng tối đa kho hàng hóa ở Nhơn Trạch – Đồng Nai trong thời gian tới, việc khai thác tối đa hệ thống cơ sở hạ tầng, tận dụng các cơ sở hạ tầng còn trống, chưa sử dụng để kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa là thực sự cần thiết. Đồng thời, nhằm mục đích bổ sung ngành nghề Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lá để đa dạng hóa các ngành nghề, sản phẩm kinh doanh của Công ty. Do đó, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh mới và cập nhật chi tiết nội dung ngành nghề kinh doanh hiện hữu của Công ty cụ thể như sau:

1. Bổ sung ngành nghề kinh doanh mới và cập nhật chi tiết nội dung ngành nghề kinh doanh hiện hữu của Công ty

Stt	Mã ngành trước khi bổ sung	Mã ngành sau khi bổ sung
I	Bổ sung ngành nghề kinh doanh mới	
1	Chưa quy định	(4634) Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lá

Stt	Mã ngành trước khi bổ sung	Mã ngành sau khi bổ sung
II	Cập nhật chi tiết nội dung ngành nghề kinh doanh hiện hữu	
1	(5210) Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Chính)	(5210) Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Chính) Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa
2	(6810) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	(6810) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, cho thuê kho bãi, cho thuê nhà xưởng.

2. HĐQT trình ĐHCĐ giao cho Người đại diện theo pháp luật thực hiện các thủ tục liên quan đến việc bổ sung ngành nghề kinh doanh mới và cập nhật chi tiết nội dung ngành nghề kinh doanh hiện hữu của Công ty nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn việc thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại cơ quan có thẩm quyền.

3. HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông việc bổ sung chi tiết và cập nhật nội dung về ngành, nghề kinh doanh chính tại Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

Điều khoản	Điều lệ hiện tại		Sửa đổi	
	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
Khoản 1 Điều 3	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Chính)	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Chính) Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa
	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, cho thuê kho bãi, cho thuê nhà xưởng.
			4634	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo



Trên đây là Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh mới và cập nhật chi tiết nội dung ngành nghề kinh doanh hiện hữu của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Ban Điều hành Cty;
- Lưu: VT Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Mười

